

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 18 (Giảng đường YGDA419)

MÔN THI: TIẾNG ANH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKII001	Hoàng Văn	Ban	08/06/1991	Ngoại khoa			Miễn thi Tiếng Anh
2	CKII002	Đoàn Việt	Cường	22/04/1985	Tai mũi họng			
3	CKII003	Hà Thị	Dần	01/09/1974	Nội khoa			
4	CKII004	Dương Thanh	Dũng	07/11/1983	Y tế công cộng			
5	CKII005	Trần Văn	Dũng	02/04/1988	Sản phụ khoa			Miễn thi Tiếng Anh
6	CKII006	Nông Thị Hồng	Duyên	02/06/1985	Sản phụ khoa			
7	CKII007	Trần Trọng	Dương	26/07/1983	Ngoại khoa			
8	CKII008	Triệu Thị Hoàng	Giang	03/01/1983	Sản phụ khoa			
9	CKII009	Trần Mĩ	Hạnh	02/02/1991	Sản phụ khoa			
10	CKII010	Văn Đức	Hạnh	16/07/1983	Y tế công cộng			
11	CKII011	Nguyễn Ngọc	Hân	17/09/1990	Ngoại khoa			Miễn thi Tiếng Anh
12	CKII012	Lê Khắc	Hiệu	28/11/1989	Sản phụ khoa			
13	CKII013	Nguyễn Mạnh	Hùng	20/10/1984	Nhi khoa			Miễn thi Tiếng Anh
14	CKII014	Hoàng Thu	Huyền	20/11/1989	Nhi khoa			
15	CKII015	Tô Thị	Huyền	27/05/1982	Nhi khoa			Miễn thi Tiếng Anh
16	CKII016	Đoàn Việt	Hưng	02/06/1990	Ngoại khoa			
17	CKII017	Đỗ Thị Thanh	Hương	26/09/1988	Nội khoa			
18	CKII018	Trịnh Quang	Khiêm	28/09/1977	Y tế công cộng			
19	CKII019	Nguyễn Thành	Long	02/11/1987	Tai mũi họng			
20	CKII020	Mai Văn	Lực	26/03/1991	Ngoại khoa			Miễn thi Tiếng Anh
21	CKII021	Tô Xuân	Minh	01/01/1975	Nội khoa			
22	CKII022	Lâm Văn	Ngân	20/02/1985	Nội khoa			

Ấn định: 22 thí sinh./.

Tổng số bài thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 19 (Giảng đường YGDA420)

MÔN THI: TIẾNG ANH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKII023	Đàm Văn	Nghĩa	19/05/1987	Nội khoa			
2	CKII024	Hoàng Thị	Ngôn	18/05/1990	Nhi khoa			
3	CKII025	Dương Đình	Nhất	31/01/1985	Tai mũi họng			
4	CKII026	Đặng Thị Hồng	Nhung	03/03/1984	Nhi khoa			
5	CKII027	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	27/07/1984	Nội khoa			
6	CKII028	Thân Thị	Nhung	20/08/1984	Sản phụ khoa			Miễn thi Tiếng Anh
7	CKII029	Phan Đình	Sáu	01/06/1974	Sản phụ khoa			
8	CKII030	Đình Phương	Thảo	12/11/1988	Sản phụ khoa			
9	CKII031	Nguyễn Duy	Thiệt	18/01/1984	Sản phụ khoa			
10	CKII032	Bùi Văn	Thống	06/07/1985	Gây mê hồi sức			
11	CKII033	Hồ Thị	Thùy	20/08/1986	Sản phụ khoa			
12	CKII034	Lê Thị Thu	Thùy	16/10/1975	Y tế công cộng			
13	CKII035	Nguyễn Thị Thu	Thủy	27/09/1984	Sản phụ khoa			
14	CKII036	Nguyễn Thị	Thúy	25/05/1993	Sản phụ khoa			Miễn thi Tiếng Anh
15	CKII037	Bùi Thị Thu	Trang	24/06/1982	Nội khoa			
16	CKII038	Đình Quốc	Trung	09/10/1988	Sản phụ khoa			
17	CKII039	Nguyễn Hữu	Trung	20/11/1977	Nội khoa			
18	CKII040	Hoàng Thế	Vinh	10/11/1987	Tai mũi họng			
19	CKII041	Nguyễn Văn	Vinh	04/08/1980	Nhi khoa			
20	CKII042	Ma Khánh	Vĩnh	26/11/1992	Ngoại khoa			
21	CKII043	Đoàn Hải	Yến	07/06/1992	Gây mê hồi sức			

Ấn định: 21 thí sinh./.

Tổng số bài thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)